



ĐÁNH GIÁ CÁC CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG QUA CÁC SỰ KIỆN THỂ THAO TẠI HỒ NHẬT NGUYỆT, ĐÀI LOAN

EVALUATING SUSTAINABLE DEVELOPMENT INDICATORS THROUGH SPORTING EVENTS AT SUN MOON LAKE, TAIWAN

TÓM TẮT: Nghiên cứu này sử dụng các cản trở xã hội, cản trở việc tổ chức hoạt động và những tác động tiêu cực của chúng đến sự hài lòng và lòng trung thành của du khách. Khung nghiên cứu cho phép các nhà quản lý hiểu và đưa ra quyết định. Mô hình Vensim được sử dụng để thực hiện các tình huống thấp và cao của một hoặc cả hai cản trở, cho thấy hệ quả của số lượng các điểm thu hút du khách tại Hồ Nhật Nguyệt. Nhận thức về môi trường của người dân được tìm thấy là yếu tố điều chỉnh mối quan hệ giữa các rắc rối và lòng trung thành.

TỪ KHÓA: Đánh giá, chỉ số, phát triển bền vững, sự kiện thể thao, Hồ Nhật Nguyệt

ABSTRACT: This study uses social hassles, managerial hassles, and their negative effects on tourism satisfaction and loyalty. The framework allows managers to understand and make decisions. The Vensim model is used to perform the low and high situation of one single or both hassles, which show the consequence of the number of tourist attractions in Sun Moon Lake. The environmental perception of citizens is found as a moderator of the relationship between both hassles and loyalty.

KEYWORDS: Evaluation, indicator, sustainable development, sports event, Sun-Moon lake.

NGUYỄN VĂN BẮC

Khoa Quản lý thể thao, Trường Đại học Thể thao quốc gia Đài Loan

NGUYEN VAN BAC

Department of Sport Management, National Taiwan University of Sport

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Những năm gần đây, thị trường du lịch sau đại dịch bắt đầu có nhiều tín hiệu phục hồi tại các quốc gia. Các tính chất như tính lịch sử, hoài cổ thường là các đặc tính thu hút du khách quay trở lại điểm đến. Các dấu hiệu phục hồi được tìm thấy ở nhiều thị trường như Đài Loan (Đại và cộng sự, 2024); thị

trường Hồng Kông (Senbeto, 2024). Một trong số các loại hình du lịch bị ảnh hưởng lớn sau dịch Covid 19 đó là du lịch thể thao. Đặc biệt một số điểm đến đã có dấu hiệu giảm du khách trước khi dịch diễn ra việc phục hồi càng khó hơn bao giờ hết. Hồ Nhật Nguyệt (Sun Moon Lake- SML), Đài Loan là một điểm đến nổi tiếng với việc kết hợp các sự kiện thể thao và du lịch. Các hoạt động thể thao, vui chơi và giải trí như là: câu cá, đi thuyền máy, đi bộ đường mòn, bơi lội, cắm trại, đạp xe đạp thường được tổ chức khách để thu hút khách đến SML (Li-Hu et al., 2009). Sau núi A Lý Sơn, SML còn được biết

là khu vực vui chơi giải trí trên mặt nước có địa thế đẹp và nổi tiếng, đứng hạng 2 điểm thu hút du khách ở Miền Trung, Đài Loan. Các địa danh nổi tiếng cùng kiến trúc chùa chiền được thiết kế dọc theo hồ có đường kính hơn 15km đáp ứng đa dạng nhu cầu của du khách.

Toàn khu vực được quản lý bởi Ban Quản lý Khu thắng cảnh Quốc gia Hồ Nhật Nguyệt, là một tổ chức chính phủ khai thác vận hành và duy trì các dịch vụ, chịu trách nhiệm duy trì cảnh quan trong bối cảnh phát triển bền vững toàn khu vực. Do đó, ban quản lý phải đối mặt với việc đáp ứng hai mục tiêu song hành. Đầu

tiên là phát triển bền vững cả khu vực và các cộng đồng dân cư địa phương. Theo nghiên cứu của Choi và Sirakaya (2006), các địa điểm cần xác định sáu luồng chính được xem là tiêu chí phát triển bền vững. Bao gồm: định hướng về kinh tế, định hướng về xã hội, định hướng về văn hóa, định hướng về môi trường, định hướng về chính trị, định hướng về công nghệ. Nghiên cứu này cũng nêu ra được các ý kiến chủ chốt được xếp hạng cao nhất trong các định hướng trên. Về kinh tế tổ chức hoạt động du khách cần quan tâm đến khả năng tăng uy tín của điểm kinh doanh địa phương. Về xã hội, tổ chức hoạt động du khách cần quan tâm việc để cư dân bản địa tham gia vào các hoạt động du lịch. Về văn hóa, cần đảm bảo môi trường văn hóa bản địa, và duy trì các nguồn quỹ và nguồn lực du lịch. Về môi trường, yếu tố quan trọng nhất là điều kiện về không khí. Về chính trị, đảm bảo việc tổ chức đảm bảo đúng các ngân quỹ công, đặc biệt là quỹ đất. Về công nghệ, đặc biệt là phải đảm bảo tính chính xác của thu thập dữ liệu. SML áp dụng và quan tâm các tiêu chí như vậy cũng phù hợp với các tiền lệ tổ chức trên thế giới. Ví dụ, bài học từ Costa Rica cũng là một địa điểm khai thác du lịch mặt nước, được biết đến như một điểm đến du lịch đảo nổi tiếng ở Trung Mỹ, Tepelus và Cordoba (2005) đã đề cập đến một mô hình kinh doanh phù hợp với một hệ thống công nhận (bằng nhân dân chất lượng) giúp du khách nhận



HÌNH 1. BÁO CÁO SỐ DU KHÁCH 7 NĂM TẠI SML (Nguồn dữ liệu và hình ảnh, Lin và cộng sự (2018))

biết các điểm đến bền vững và quyết định chọn dịch vụ tốt. Sự phát triển của các công cụ tự nguyện như hệ thống đánh giá sinh thái và quy tắc ứng xử cho du lịch đã được đặc trưng bởi sự tập trung mạnh mẽ vào môi trường. Bài báo của họ thảo luận về tính khả thi của việc tạo ra các hệ thống công nhận không chỉ giải quyết các tác động sinh thái mà còn các tác động xã hội và kinh tế của các hoạt động du lịch. Vai trò của chính phủ được công nhận rộng rãi trong tài liệu là tiên phong trong việc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và thúc đẩy phát triển bền vững nói chung. Vì vậy, câu chuyện trong SML nên tuân theo mục tiêu này.

Mục tiêu thứ hai là hiệu quả kinh tế du lịch của khu vực. Đặc điểm này chú trọng đến số lượng du khách đến hằng năm. Số lượng du khách được xem là chỉ số chính liên đới đến doanh thu du lịch của khu vực (Kioko, 2021). Trước đại dịch covid-19,

SML thậm chí đã đối mặt với xu hướng giảm trong số lượng du khách hàng năm (Hình 1)

Việc vận hành du lịch thể thao bền vững (Sustainable sports tourism_SST) do đó được đặc biệt nghiên cứu để đáp ứng môi trường du lịch và quan cảnh ở Hồ Nhật Nguyệt. Các nhà nghiên cứu đặc biệt quan tâm đến các yếu tố cản trở của môi trường liên quan đến ý định quay lại của du khách (Yang và cộng sự, 2021). Đây được xem là yếu tố then chốt trong việc đánh giá các hoạt động SST ở Hồ Nhật Nguyệt và cũng là một chủ đề đáng quan tâm đương đại. Các nghiên cứu trước chủ yếu dùng 1 lý thuyết để giải thích sự hài lòng và lòng trung thành du khách hoặc dùng 1 lý thuyết để giải thích cho số lượng du khách đến địa điểm. Nghiên cứu này dùng mô hình causal loop diagramming_VENSIM để đánh giá tác động của các yếu tố về môi trường ở Hồ Nhật Nguyệt đến các hoạt

động quay lại của du khách. Qua đó lý giải cho nhà quản trị du lịch trong khu vực các quyết định liên quan đến sự kiện này.

Các phần tiếp theo sẽ làm rõ về chi tiết của nghiên cứu. Phần 2 sẽ tóm lược các nghiên cứu liên quan. Phần 3 mô tả cách áp dụng các tham số và giới thiệu mô hình VENSIM và thảo luận kết quả nghiên cứu từ mô hình. Phần 3 kết luận nghiên cứu.

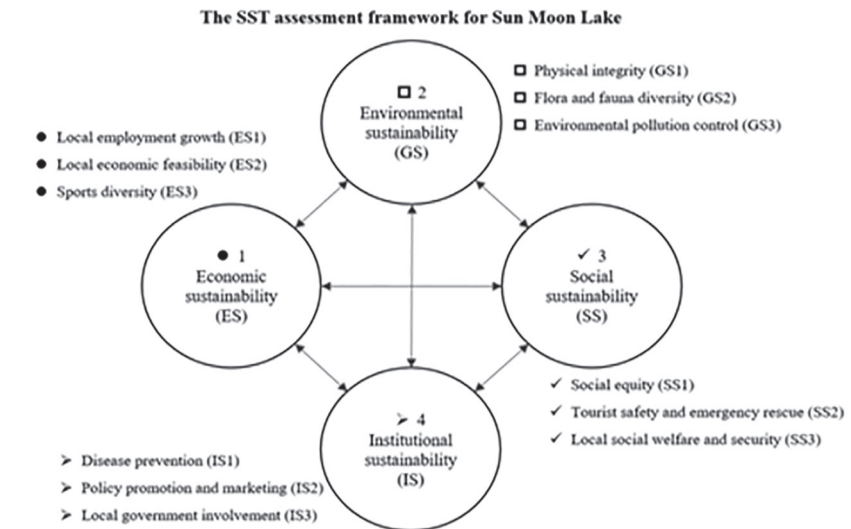
2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.1. Các thành tố nghiên cứu về du lịch thể thao bền vững tại Hồ Nhật Nguyệt

Theo tài liệu nghiên cứu trước, SML đang đối mặt với vấn đề về việc du khách quay lại (lòng trung thành của khách hàng). Tình trạng này không phù hợp với chiến lược của khu vực cộng đồng bền vững đang được tiến hành ở Hồ Nhật Nguyệt. Du khách thường có mối quan hệ tốt với cộng đồng địa phương thường có xu hướng quay lại điểm đến (Paunović và Jovanović, 2017). Đồng quan điểm này, Yang và cộng sự (2021) thảo luận về du lịch thể thao bền vững (SST) cho khu vực SML. Nghiên cứu này đưa ra 12 thành tố xây dựng nên mục tiêu du lịch thể thao bền vững tại SML. Khung nghiên cứu chính trong nghiên cứu của Yang và cộng sự (2021) được biết như hình 2.

Dựa trên dữ liệu phỏng vấn từ 13 chuyên gia, kết quả cho thấy năm thành tố quan trọng hàng đầu khi xem xét so sánh mức trung bình là: 1) Tăng trưởng



HÌNH 2: KHUNG NGHIÊN CỨU TÓM LƯỢC TỪ NGHIÊN CỨU CỦA YANG VÀ CỘNG SỰ (2021) VỀ SST Ở SML

việc làm địa phương: Phát triển du lịch thể thao tại Hồ Nhật Nguyệt có thể mang lại nhiều cơ hội việc làm hơn cho cư dân. 2) Tính khả thi kinh tế địa phương: Sử dụng các tài nguyên thiên nhiên tại Hồ Nhật Nguyệt để xây dựng các hoạt động kinh tế có lợi nhuận có thể tạo ra thu nhập cao hơn với chi phí lập kế hoạch và bảo trì tối thiểu. 3) Phòng ngừa dịch bệnh: Các biện pháp phòng ngừa virus dịch bệnh và các bệnh truyền nhiễm nên được xây dựng. Nếu các nhà nghiên cứu xem xét thêm năm tiểu mục hàng đầu, sẽ có thêm hai yếu tố sau: 4) Sự tham gia của chính quyền địa phương: Chính quyền địa phương nên thường xuyên tổ chức các sự kiện thể thao và tài trợ cho các nguồn lực cần thiết cho các sự kiện này, điều này có thể tăng cường sự tham gia của cư dân và du khách vào du lịch thể thao. 5) Đa dạng thể

thao: Sự đa dạng của các môn thể thao tại Hồ Nhật Nguyệt có thể thu hút thêm nhiều du khách ở các nhóm tuổi khác nhau tham gia vào các điểm tham quan, qua đó thúc đẩy sự thịnh vượng và lợi ích kinh tế cho địa phương. Trong đó, việc so sánh trung bình các thành tố, Yang và cộng sự (2021) chỉ ra rằng chính quyền địa phương là những người lãnh đạo phù hợp nhất trong việc phát triển du lịch, và nhiệm vụ chính của họ là cải thiện mức sống của cư dân và quản lý các nguồn lực địa phương. Paunović và Jovanović (2017) cho rằng chính sách du lịch là kết quả của sự thỏa hiệp giữa các ý tưởng, giá trị và lợi ích. Các chiến lược, hành động hoặc sản phẩm được chính phủ áp dụng ảnh hưởng đến sự phát triển của du lịch bền vững. Trong năm tiểu mục trên, tác giả sẽ dùng thành tố số một, hai, bốn và năm cho các minh họa

trong nghiên cứu này. Tiểu mục thứ ba thuộc về các chính sách cấp quốc gia của chính quyền trung ương.

2.1.2. Các hoạt động SST tại Hồ Nhật Nguyệt

Về chủ đề du lịch thể thao bên vững (SST), Hồ Nhật Nguyệt thường tổ chức các sự kiện thể thao. Sáu hoạt động thể thao giải trí là câu cá, cắm trại, đi bộ đường mòn, bơi lội, đạp xe và đi thuyền máy, mang lại tổng thặng dư tiêu dùng là 85,78 triệu Đài tệ. Theo Ban Quản lý Khu thắng cảnh Quốc gia Hồ Nhật Nguyệt, đạp xe và bơi lội là hai hoạt động được tổ chức hàng năm. Hai hoạt động khác nhằm tạo thu nhập cho cộng đồng du lịch địa phương là câu cá và cắm trại. Đi bộ đường mòn và đi thuyền máy chủ yếu được vận hành cho giao thông trong khu vực. Li-Ju và cộng sự (2009) đã tiến hành một cuộc khảo sát về sáu hoạt động chính tại Hồ Nhật Nguyệt. Sử dụng bộ dữ liệu từ 234 du khách để minh họa mức trung bình và độ lệch chuẩn nhằm đánh giá sáu hoạt động trong phạm vi từ không gây hại đến có hại. Đạp xe, đi bộ đường mòn và câu cá được coi là các hoạt động không gây hại. Trong khi đó, bơi lội, cắm trại và đi thuyền máy được xem là các hoạt động có hại. Các tác động có hại thường gây căng thẳng nhất đối với hành vi của du khách, chẳng hạn như: vấn đề rác thải, hành vi hút thuốc, tăng nhiệt độ không khí, đốt lửa trại, gia tăng vi khuẩn, v.v. Chính các tác động xấu của du khách hoặc ngay cả cộng đồng địa phương này tạo ra sự

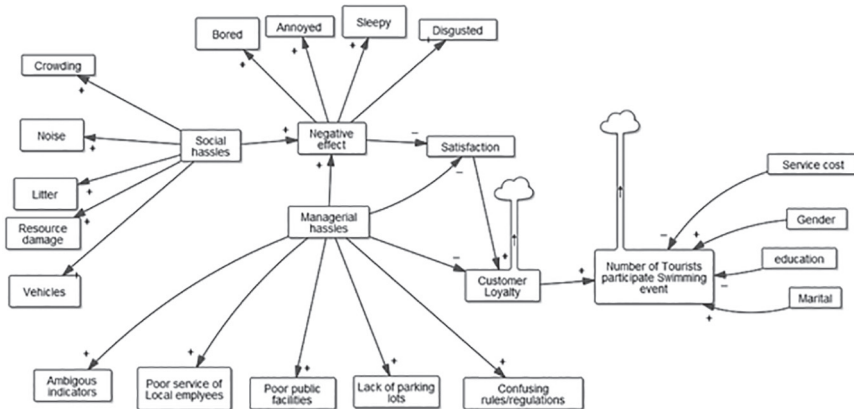
quan ngại cản trở ý định quay lại của du khách (Schuster và cộng sự, 2006).

2.1.3. Ảnh hưởng của các loại yếu tố cản trở.

Từ tất cả thông tin tổng hợp ở trên, du khách có thể không quay lại vì họ nhận thấy tác động tiêu cực của các hoạt động du lịch thể thao bên vững (SST) đó đối với môi trường. Mặc dù Hồ Nhật Nguyệt được xếp hạng hai trong số các điểm đến hàng đầu để tham quan ở Đài Loan, nhưng sự trung thành với điểm đến vẫn là một vấn đề lớn. Nếu không có tổ chức tốt, Hồ Nhật Nguyệt sẽ dễ dàng trở thành một điểm đến nhàm chán đối với du khách.

Ý tưởng về những phiền toái cản trở bắt nguồn từ lý thuyết đánh giá căng thẳng, được phát triển bởi Lazarus và Folkman (1984). Lý thuyết này gợi ý rằng cá nhân đánh giá các sự kiện trong môi trường của họ trải nghiệm và sau đó xác định phản ứng cảm xúc của mình dựa trên đánh giá đó. Phiền toái được xác định là những mối đe dọa và tổn thất hàng ngày góp phần vào căng thẳng tâm lý. Do đó, chúng được xem như là những trải nghiệm hoặc tình huống mà sau khi được cá nhân đánh giá, được coi là quan trọng hoặc có hại cho sự well-being của họ. Trong lĩnh vực du lịch, nghiên cứu đã liên tục nhấn mạnh sự hiện diện của các phiền toái tại các điểm đến (Schuster et al., 2003, 2006). Những phiền toái này là các yếu tố hoặc điều kiện làm phiền hoặc gây thất vọng cho du khách (Schuster et al., 2003). Chúng có thể dao

động từ những phiền toái nhỏ nhất đến các vấn đề hoặc áp lực lớn hơn (Schuster et al., 2006). Trong các khu vực giải trí ngoài trời, ví dụ về phiền toái bao gồm các vấn đề như môi trường bẩn, cắm trại ồn ào và ba lô nặng, cũng như những bất tiện nhỏ như thời tiết xấu, giao thông không thuận lợi, trải nghiệm thất vọng và xung đột (Kanner et al., 1981). Theo nghiên cứu của Li-Ju và cộng sự (2009), bơi lội, câu cá và đi thuyền máy là ba sự kiện thể thao ảnh hưởng nhất đến môi trường nước. Qua quá trình vận hành đã cấm các hoạt động này trừ bơi lội. Mỗi năm vào khoảng Lễ hội Trung Thu, các vận động viên bơi lội từ khắp Đài Loan và nước ngoài tập trung tại Bến tàu Zhaowu để tham gia sự kiện lớn này. Đường đua dài 3000 mét và vào năm 2002 đã chính thức được đưa vào danh sách các cuộc thi bơi nổi tiếng trên thế giới. Mang đến hàng nghìn người đam mê bơi lội từ Đài Loan và nước ngoài, sự kiện này đã trở thành một sự kiện hoành tráng. Sự kiện bơi tập thể qua hồ được xem là trường hợp nghiên cứu chính của nghiên cứu này. Lin (2018) đã đóng góp một mô hình thực nghiệm dựa trên định lý đánh giá mức độ căng thẳng. Mô hình này cho thấy các lý do nguyên nhân khiến du khách không quay lại SML. Sự trung thành với điểm đến ảnh hưởng trực tiếp đến số lượng du khách quay lại SML hoặc các sự kiện thể thao tại SML. Các yếu tố cản trở được hiểu là du khách sau khi thấy tác hại lên môi trường sau khi bơi trong nước hồ sẽ



HÌNH 3: MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU CHÍNH (Nguồn: biên soạn bởi tác giả)

cảm thấy bản thân đã tác hại lên môi trường do đó hình thành cản trở trong ý định quay lại Yeh et al. (2018) đề cập rằng chi phí dịch vụ, giới tính, tình trạng hôn nhân, và trình độ học vấn là các biến số quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến số lượng chuyến đi quan sát được của các cá nhân tham gia sự kiện lễ hội bơi lội tại SML. Tất cả những yếu tố này rất phù hợp với các nghiên cứu nêu trước đây (Schuster et al., 2003, 2006).

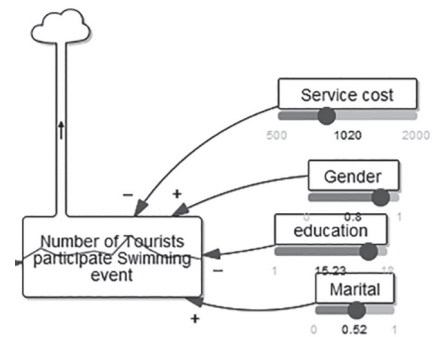
2.2. Mô hình Causal Loop Diagramming và kết quả ứng dụng

2.2.1. Mô hình CLD

Mô hình Causal Loop Diagramming (CLD) còn được biết tên là VENSIM được công bố bởi Đại học Tokyo, Nhật Bản. Mô hình CLD cho phép phác họa và quan sát các biến dựa trên các tham số và khoảng dao động cho phép của các tham số này. Nghiên cứu này dùng năm thành tố để đo lường cản trở của xã hội (social

hassles) và năm thành tố để xây dựng nên cản trở việc tổ chức hoạt động (managerial hassles) từ nghiên cứu trước. Lin (2018) cho rằng hai cản trở xã hội này sẽ tác động tích cực đến biến ảnh hưởng tiêu cực đến biến ảnh hưởng tiêu cực tác động âm đến hài lòng và lòng trung thành khách hàng (Lin, 2018). Số lượng du khách tham gia vào sự kiện bơi lội được đo lường bởi bốn thành tố: giá dịch vụ, giới tính, học vấn và tình trạng hôn nhân (Yeh và cộng sự, 2018). Tổng quan mô hình nghiên cứu được nêu trong hình 3.

Nghiên cứu sử dụng các giá trị trung bình quan trọng từ tài liệu trước đây dùng làm tham số chạy mô hình của mình, tất cả các tham số được thiết lập dưới dạng hiệu ứng tuyến tính. Phương trình của biến "Số lượng du khách tham gia sự kiện bơi lội" trong mô hình VENSIM dựa trên nghiên cứu của Yeh (2018) có thể được viết lại như sau:



HÌNH 4: THIẾT LẬP THAM SỐ CHO NHÁNH PHẢI CỦA MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU (Nguồn: tác giả soạn dựa trên kết quả nghiên cứu trước (Yeh và cộng sự, 2018))

$$TRIPS_t = 2.9152 - 0.0004208 \times COST_t + 0.0001 \times GENDER_t + 0.7085 \times MARTIAL_t - 0.0912 \times EDU_t + \epsilon_t$$

Trong đó:

$TRIPS_t$ đại diện cho số lượng du khách tham gia sự kiện bơi lội tại thời điểm t

$COST_t$ đại diện cho chi phí dịch vụ tại thời điểm t (Giá trị trung bình= 1020/đơn vị: USD)

$GENDER_t$ đại diện cho tỷ lệ nam/nữ tại thời điểm t (Giá trị trung bình= 0.8/đơn vị: 1 là đàn ông)

$MARTIAL_t$ đại diện cho tỷ lệ tình trạng hôn nhân tại thời điểm t (Giá trị trung bình= 0.52/đơn vị: 1 là đã kết hôn)

EDU_t đại diện cho chi phí dịch vụ tại thời điểm t (Giá trị trung bình= 15.13/đơn vị: số năm đi học).

Giá trị trung bình của các biến độc lập được sử dụng làm hằng số trong mô hình Vensim. Do đó, nhánh phải của mô hình có thể được vẽ như sau (Hình 4):

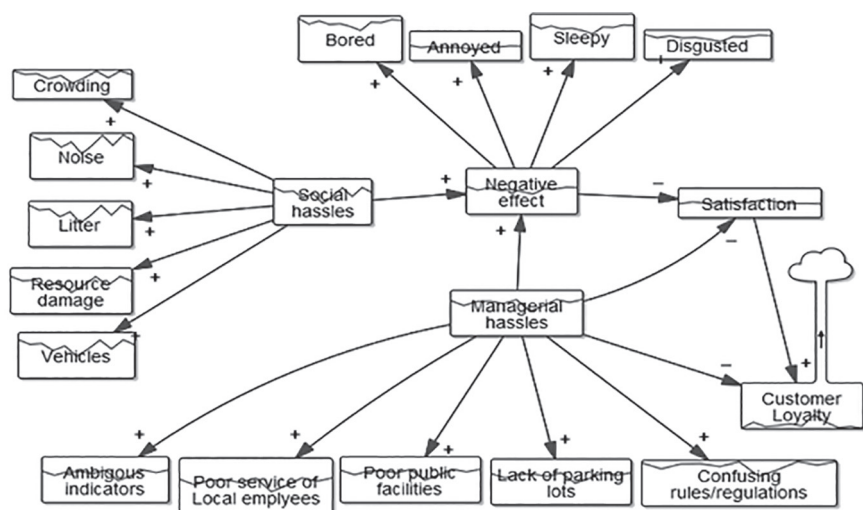
Nhánh bên trái của mô hình

Vensim sử dụng các tham số từ nghiên cứu của Lin (2018). Tuy nhiên, chúng tôi không thể tìm thấy giá trị trung bình và độ lệch chuẩn của các biến liên quan đến cản trở xã hội và cản trở việc tổ chức hoạt động. Vì vậy, chúng tôi cho phép hai biến cản trở này là chuỗi ngẫu nhiên (Kết quả ngẫu nhiên sẽ dao động từ mức 1 là Rất không đến mức 5 là Rất. Các biến ảnh hưởng tiêu cực sẽ mượn hệ số tương quan từ Lin (2018). Ví dụ, ảnh hưởng tiêu cực sẽ nhận hai tác động tích cực từ cản trở xã hội (0,23) và cản trở việc tổ chức hoạt động (0,28) và sẽ tạo ra ảnh hưởng tiêu cực đối với sự hài lòng (-0,44). Một số hệ số tải cũng được sử dụng để kích thích nhận thức của khách hàng phù hợp với hai biến cản trở này (Hình 5).

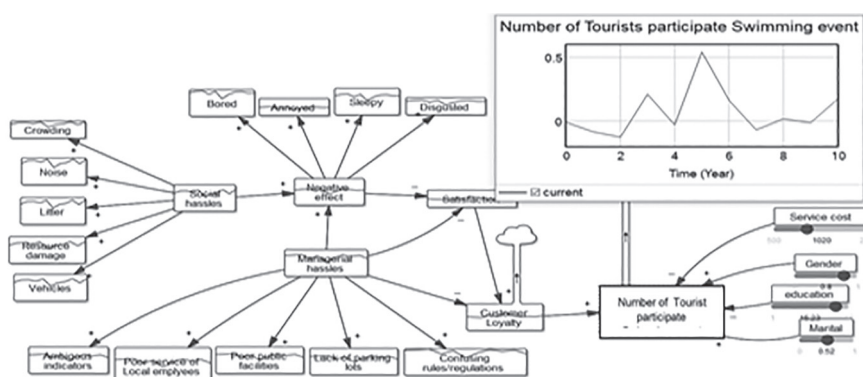
2.2.2. Kết quả ước lượng

Bằng cách giả định rằng các điều kiện về chi phí dịch vụ, tỷ lệ giới tính, trình độ học vấn và tình trạng hôn nhân không thay đổi trong mười năm tới (2018 đến 2028), chúng tôi có thể thay đổi giá trị TRUNG BÌNH của cản trở xã hội và cản trở việc tổ chức hoạt động để thực hiện các tác động của nhận thức khách hàng về ảnh hưởng môi trường từ sự kiện bơi lội ở Hồ Nhật Nguyệt. Mô hình sẽ được xem xét hai trường hợp là rất cản trở và không cản trở.

Trường hợp 1: Đối với các tình huống cản trở là cực đoan, chúng tôi thiết lập giá trị trung bình của cả hai loại phiền toái là 5 trong phương trình ngẫu nhiên: RANDOM NORMAL(1,5, 5, 1, 0.1) (Hình 6). Số lượng du khách sẽ



HÌNH 5: THIẾT LẬP THAM SỐ CHO NHÁNH TRÁI CỦA MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU (Nguồn: tác giả soạn dựa trên kết quả nghiên cứu trước (Lin, 2018))



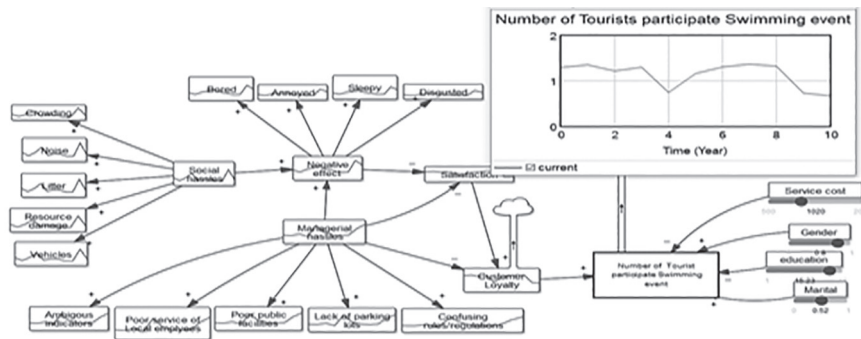
HÌNH 6: KẾT QUẢ CỦA TRƯỜNG HỢP CÁC HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TRIỂN KHAI ĐỐI MẶT VỚI RẤT NHIỀU CẢN TRỞ TỪ XÃ HỘI VÀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

chỉ dao động trong mức độ cao nhất là 50% trong 10 năm sắp tới. Vậy Các cản trở càng cao sẽ làm giảm lực lượng du khách.

Trường hợp 2: Đối với các tình huống không có cản trở, chúng tôi thiết lập giá trị trung bình của cả hai loại phiền toái là 1 trong phương trình ngẫu nhiên: RANDOM NORMAL(1,5, 1, 1, 0.1) (Hình 7). Số lượng du khách sẽ chỉ dao động trong mức độ cao nhất là 125% đến 140% trong 8 trên 10 năm sắp tới. Vậy các cản trở càng cao sẽ làm giảm lực lượng du khách.

3. KẾT LUẬN

Nghiên cứu này đã sử dụng 2 lý thuyết và 2 mô hình nghiên cứu trước trong mô hình Causal Loop Diagramming. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng nếu hai yếu tố cản trở cao thì sẽ dẫn đến lượng du khách quay lại rất thấp. Như vậy nhà quản lý cần cân nhắc rất cẩn thận việc tiếp tục dùng sự kiện bơi lội để thu hút du khách quay trở lại. Nếu các sự kiện ít ảnh hưởng đến môi trường sẽ tạo tác động thu hút tốt hơn. Qua nghiên cứu tác giả đề xuất ban quản lý nên tập trung và các sự kiện không tạo ra cản trở trong suy nghĩ quay



HÌNH 7: KẾT QUẢ CỦA TRƯỜNG HỢP CÁC HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TRIỂN KHAI ĐỐI MẶT VỚI RẤT NHIỀU CẢN TRỞ TỪ XÃ HỘI VÀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

lại của khách hàng và dẫn thay đổi các sự kiện tạo cản trở cao.

Các tham số được trích từ các dữ liệu khảo sát. Do đó, mô hình vẫn có thể được cải thiện nếu có được các tham số từ một

tập dữ liệu theo chuỗi thời gian thống nhất. Vì nguồn dữ liệu cho nghiên cứu này trên Web of Science vẫn còn hạn chế, chỉ có 6 bài báo thảo luận về vai trò của Du lịch thể thao bền vững tại Hồ

Nhật Nguyệt. Mô hình không giải quyết được sự không cân bằng về đơn vị đo lường, và bỏ qua yếu tố nắm bắt hiện tượng nhận thức môi trường với số lượng du khách chính là yếu tố tác động lên cản trở trong tương lai. Nghiên cứu tiếp theo nên tìm kiếm các tham số có thể được sử dụng để hiệu chỉnh hai chuỗi này. Hoặc những nghiên cứu lặp lại của Lin (2018) và Yeh và cộng sự (2018) trong chuỗi thời gian thống nhất sẽ tạo kết quả có độ chính xác tốt hơn. ■

(Ngày tòa soạn nhận bài: 12/07/2024, ngày phản biện đánh giá: 21/07/2024, ngày chấp nhận đăng: 10/08/2024)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Choi, H. C., & Sirakaya, E. (2006). Sustainability indicators for managing community tourism. *Tourism Management*, 27(6), 1274-1289.
- Dai, Y. D., Yeh, S. S., Su, L. P. T., Wang, T. S., & Huan, T. C. (2024). Nostalgic tourists acquire resilience and emotional solidarity through self-congruity and functional congruity. *Journal of Vacation Marketing*.
- Kanner, A. D., Coyne, J. C., Schaefer, C., & Lazarus, R. S. (1981). Comparison of two modes of stress measurement: Daily hassles and uplifts versus major life events. *Journal of Behavioral Medicine*, 4, 1-39.
- Kioko, J. W. (2021). *Arima Models For Forecasting Own Source Revenue For The County Of Machakos* (Doctoral dissertation, Kca University).
- Lazarus, R. S., & Folkman, S. (1984). *Stress, appraisal, and coping*. Springer Publishing Company.
- Lin, H. H., Lee, S. S., Perng, Y. S., & Yu, S. T. (2018). Investigation about the Impact of tourism development on a water conservation area in Taiwan. *Sustainability*, 10(7), 2328.
- Paunović, I., & Jovanović, V. (2017). Implementation of sustainable tourism in the German Alps: A case study. *Sustainability*, 9(2), 226.
- Schuster, R. M., Hammitt, W. E., & Moore, D. (2003). A theoretical model to measure the appraisal and coping response to hassles in outdoor recreation settings. *Leisure Sciences*, 25(2-3), 277-299.
- Schuster, R., Hammitt, W. E., & Moore, D. (2006). Stress appraisal and coping response to hassles experienced in outdoor recreation settings. *Leisure Sciences*, 28(2), 97-113.
- Senbeto, D. L. (2024). Travel in trouble: Examining travel resilience in pilgrimage tourism. *Journal of Vacation Marketing*, 13567667241236538.
- Tepelus, C. M., Cordoba, R. C. (2005), Recognition schemes in tourism—from 'eco' to sustainability, *Journal of Cleaner Production*, 13(2), 135-140.
- Yang, C. C., Shen, C. C., Lin, Y. S., Lo, H. W., & Wu, J. Z. (2021). Sustainable Sports Tourism Performance Assessment Using Grey-Based Hybrid Model. *Sustainability*, 13(8), 4214.
- Yeh, C. C., Lin, C. S., & Huang, C. H. (2018). The total economic value of sport tourism in Belt and Road development—An environmental perspective. *Sustainability*, 10(4), 1191.